

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2866/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quy định số 1570/QĐ-TĐHYKPNT ngày 16 tháng 5 năm 2023 về Xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đại học, sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Kế hoạch số 4912/KH-TĐHYKPNT ngày 25 tháng 07 năm 2022 đánh giá tổng thể chương trình h đào tạo trình độ Đại học thuộc Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học;

Căn cứ Quyết định số 5261/QĐ-TĐHYKPNT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng và Ban Thư ký rà soát tổng thể chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng thẩm định



chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học và các điều kiện đảm bảo chất lượng;

Căn cứ Biên bản tại phiên họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học và Biên bản tại phiên họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đại học Kỹ thuật Xét nghiệm Y học ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bản mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học, được áp dụng từ năm học 2023-2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Trưởng các bộ môn, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Trường (đề c/đạo);
- Công TTĐT Trường (đề t/báo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH, KĐDKTYH(NL_8) *th*



PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2866/QĐ-TĐHYKPNT ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

A. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- 1.1. Trình độ đào tạo : Đại học
- 1.2. Ngành đào tạo : Kỹ thuật Xét nghiệm Y học
(Medical Laboratory Technology)
- 1.3. Hình thức đào tạo : Chính quy
- 1.4. Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt
- 1.5. Mã ngành : 7720601
- 1.6. Thời gian đào tạo : 4 năm
- 1.7. Văn bằng tốt nghiệp : Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học
(Bachelor of Science in Medical Laboratory Technology)
- 1.8. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ
- 1.9. Chuẩn đầu vào : Tốt nghiệp THPT và theo quy định đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.
- 1.10. Chương trình đào tạo : Định hướng nghề nghiệp

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

Giáo dục toàn diện - Hướng về cộng đồng - Lấy người học làm trung tâm.

2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Tầm nhìn: Phát triển thành một trong những đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế.

2.3. Chiến lược của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển các chương trình đào tạo đạt chuẩn trong nước và chuẩn quốc tế. Tăng cường tiếng Anh trong đào tạo. Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, số lượng các bài đăng quốc tế, nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học; định kỳ tổ chức các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Xây dựng mô hình Viện-Trường, với cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đạt mức hiện đại, đáp ứng công nghệ mới.

2.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học là chương trình đào tạo có định hướng nghề nghiệp, có mục tiêu là đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc tại các Khoa/Phòng xét nghiệm của các cơ sở y tế, có sức khoẻ, có khả năng làm việc độc lập, trung thực, khách quan, trách nhiệm, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp, có khả năng tự học và tham gia nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PLO 1	Vận dụng những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.
	PI 1.1. Giải thích được những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
	PI 1.2. Vận dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn.
	PI 1.3. Chủ động trong học tập, tôn trọng tính kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
PLO 2	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (tương đương với B1 khung Châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn Y khoa.
	PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp.
	PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.
PLO 3	Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê trong nghiên cứu Y khoa.

	PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả.
	PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.
	PI 3.3. Ứng dụng các thiết bị liên lạc, hỗ trợ trong thực hành nghề nghiệp.
PLO 4	Ứng dụng được các kiến thức khoa học cơ bản - y học cơ sở và kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong công tác xét nghiệm.
	PI 4.1. Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản - y học cơ sở để giải quyết các vấn đề trong công tác xét nghiệm.
	PI 4.2. Giải thích được nguyên lý, nguyên tắc của các Kỹ thuật Xét nghiệm Hóa sinh - Miễn dịch, Huyết học, Vi - Ký sinh, Giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử.
	PI 4.3. Áp dụng được kiến thức về vận hành, bảo quản, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, dụng cụ chuyên ngành xét nghiệm.
	PI 4.4. Vận dụng được kiến thức về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học.
	PI 4.5. Ứng dụng được kiến thức bệnh học và chuyên ngành trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm thường quy.
PLO 5	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế; với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.
	PI 5.1. Giao tiếp và cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế.
	PI 5.2. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.
PLO 6	Tuân thủ những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật; thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân; tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng.
	PI 6.1. Chấp hành các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật; có ý thức bảo mật và thực hiện việc bảo mật trong y khoa theo quy định.
	PI 6.2. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc bảo đảm kết quả xét nghiệm chính xác, khách quan và trung thực.
	PI 6.3. Sẵn sàng thực hiện các xét nghiệm tại cộng đồng khi có yêu cầu.
	PI 6.4. Tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng của mỗi cá nhân trong thực hành chuyên môn xét nghiệm y học.
PLO 7	Có tư duy tích cực, khả năng thích nghi với nhiều môi trường học tập và thực hành; áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm; có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

	PI 7.1. Có tư duy tích cực, khả năng thích nghi với nhiều môi trường học tập và thực hành.
	PI 7.2. Áp dụng được sáng kiến cải tiến và bằng chứng y học trong thực hành Kỹ thuật Xét nghiệm.
	PI 7.3. Có khả năng tự định hướng học tập suốt đời và tham gia nghiên cứu khoa học cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.
PLO 8	Thực hiện đúng quy trình xét nghiệm 3 giai đoạn: trước xét nghiệm, trong xét nghiệm và sau xét nghiệm.
	PI 8.1. Thực hiện đúng quy trình lấy mẫu/nhận mẫu, bảo quản mẫu trong giai đoạn trước xét nghiệm.
	PI 8.2. Chuẩn bị được máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, thuốc thử, hóa chất theo đúng yêu cầu Kỹ thuật Xét nghiệm.
	PI 8.3. Thực hiện các Kỹ thuật Xét nghiệm theo đúng quy trình; đảm bảo quy trình kiểm soát chất lượng trong giai đoạn xét nghiệm.
	PI 8.4. Thực hiện rà soát, báo cáo và trả kết quả xét nghiệm theo đúng quy trình, đảm bảo kết quả đáng tin cậy cho người sử dụng.
	PI 8.5. Thực hiện lưu trữ và xử lý mẫu sau khi đã xét nghiệm theo đúng quy định.
PLO 9	Quản lý được hoạt động của một phòng xét nghiệm an toàn, đảm bảo chất lượng
	PI 9.1. Áp dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn sinh học và đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vào công tác chuyên môn.
	PI 9.2. Thực hiện hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học theo quy định.
	PI 9.3. Lập được kế hoạch sử dụng máy móc, trang thiết bị, thuốc thử, hóa chất xét nghiệm; sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản được máy móc, trang thiết bị, thuốc thử, hóa chất xét nghiệm.
	PI 9.4. Soạn thảo được sổ tay an toàn phòng xét nghiệm, quy trình thực hành chuẩn (SOP).
	PI 9.5. Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm; phát hiện, báo cáo các lỗi kỹ thuật đơn giản và đề xuất các giải pháp xử lý.

Ghi chú: PLO là viết tắt của thuật ngữ Program Learning Outcomes (Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo), PI là viết tắt của thuật ngữ Performance Indicator (Chỉ số đánh giá).

qu

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

4.1. Vị trí việc làm

- Đảm nhiệm được các vị trí công tác của nhân viên Kỹ thuật Xét nghiệm Y học trình độ đại học tại các cơ sở y tế.

- Tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về y dược và các viện, trung tâm nghiên cứu.

4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học sau đại học về chuyên ngành Xét nghiệm trong và ngoài nước (Chuyên Khoa, Thạc sĩ, Tiến sĩ...).

- Tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo liên tục để cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn Xét nghiệm.

- Tham gia nghiên cứu khoa học.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Tốt nghiệp THPT và theo quy định của Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

5.2. Quy định đào tạo

Theo hình thức tín chỉ, theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GDĐT và Quy định của Trường.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần theo đúng tỷ lệ của từng khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, hoàn thành chương trình Giáo dục Thể chất, chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh, đạt chuẩn năng lực Ngoại ngữ và hoàn thành các nghĩa vụ khác của người học. Cụ thể:

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
1	Kết quả học tập	Tích lũy đủ 132 tín chỉ. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) hoặc đạt từ 5,00 trở lên (thang điểm 10).	

Handwritten signature

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
2	Kết quả rèn luyện	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập.	
3	Điều kiện Ngoại ngữ	Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 tương đương với trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	Sinh viên tự tích lũy
4	Điều kiện Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất	Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất.	

6. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

6.1. Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học trực tiếp: Nhà trường sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh, ... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

6.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Bảng 1. Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực	X	X	X	X	X	X		X	X
Dạy học dựa trên dự án				X	X				
Tổ chức học tập theo nhóm				X				X	X
Seminar	X			X			X	X	X
Dạy học dựa trên phim tư liệu				X				X	X
Giảng dạy thông qua thảo luận				X				X	X
Giảng dạy thông qua thực hành		X	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên vấn đề				X			X	X	X

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (LƯỢNG GIÁ)

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

7.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (4) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

7.2. Đánh giá kết thúc học phần

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi học phần thực hành thông qua thực hiện và bảo vệ khoá luận, thực hành, thí nghiệm, đánh giá tình huống lâm sàng, đánh giá tay nghề thông qua chỉ tiêu, đánh giá kỹ năng làm việc nhóm...

Bảng 2. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (MCQs)		X	X	X				X	X
Tự luận, câu hỏi ngắn	X			X				X	
Hệ thống quản lý học tập (<i>Learning management system, LMS</i>)			X						
Viết tiểu luận				X			X		
Thuyết trình				X	X		X	X	
Báo cáo thực tập				X		X		X	
Khoá luận tốt nghiệp				X		X	X		
Thi thực hành cấu trúc theo mục tiêu (OSPE)				X	X			X	X
Đánh giá dựa trên tình huống lâm sàng				X	X	X			X
Đánh giá theo chỉ tiêu tay nghề				X		X		X	X
Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm					X				X

8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 3. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương (bắt buộc)	21
	- Học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh	11
	- Học phần đại cương bắt buộc	21
	- Học phần đại cương tự chọn	00
2	Giáo dục chuyên nghiệp:	111
2.1	Khối kiến thức bắt buộc	
	- Học phần cơ sở ngành	32
	- Học phần ngành	63
	- Thực tế Tốt nghiệp	04
2.2	Khối kiến thức tự chọn	
	- Học phần ngành	04
	- Khoá luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế Khóa luận Tốt nghiệp	08
	Tổng cộng (Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng - An ninh).	132

8.2. Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

Bảng 4. Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần học trước)
					Lý thuyết	Thực hành	
I. Giáo dục đại cương							
1	11001001	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism - Leninism	3	3	0	
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism - Leninism	2	2	0	Triết học Mác-Lênin

3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	11001005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnam Communist Party	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	11002006	Tin học đại cương	Basic Informatics	2	1	1	
7	11004007	Giáo dục Thể chất	Physical Education	3			
8	11080008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	National defence Education	8			
9	11072009	Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe	Introduction to Laws and Healthcare related Laws	2	2	0	
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	Medical English 1	2	2	0	
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Medical English 2	2	2	0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
12	11013012	Hóa học	Chemistry	2	2	0	
Tổng cộng (Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng - An ninh.)				21	20	1	
II. Giáo dục chuyên nghiệp							
1. Học phần cơ sở ngành bắt buộc							
13	21007013	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Pathophysiology - Immunology	2	2	0	Sinh lý

14	21070014	Tâm lý y học - Y đức	Medical Psychology - Ethics	2	2	0	
15	21002015	Thống kê y học	Biostatistics	2	1	1	Tin học đại cương
16	21012016	Sinh học - Di truyền	Biology - Genetics	2	2	0	
17	21010017	Vật lý - Lý sinh	Physics - Biophysics	2	2	0	
18	21065018	Dịch tễ học	Epidemiology	2	2	0	Thống kê y học
19	21048019	Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng	Scientific research - Evidence-based practice	3	2	1	Thống kê y học
20	21005020	Giải phẫu	Anatomy	3	2	1	
21	21007021	Sinh lý	Physiology	2	2	0	Giải phẫu, Sinh học - Di truyền
22	21063022	Dược lý	Pharmacology	3	3	0	Sinh lý bệnh - Miễn dịch
23	21045023	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	Communication Skills in Professional Practice	2	1	1	Tâm lý y học - Y đức
24	21012024	Mô học	Histology	2	1	1	Giải phẫu, Sinh học - Di truyền
25	21044025	Bệnh học Nội khoa - Bệnh học Ngoại khoa	Medical and Surgical Pathology	3	3	0	Sinh lý, Mô học
26	21042026	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	Fundamental Nursing - First aid	2	0	2	
Tổng cộng				32	25	7	

2. Học phần ngành bắt buộc							
27	31051027	Xét nghiệm cơ bản	Fundamental Medical Laboratory Technology	4	2	2	Sinh học - Di truyền
28	31051028	Hóa sinh 1 (Chuyển hoá các chất)	Biochemistry 1 (Metabolic Aspects)	2	1	1	Hoá học, Sinh lý, Xét nghiệm cơ bản
29	31051029	Hoá sinh 2 (Rối loạn chuyển hoá)	Biochemistry 2 (Metabolic Disorders)	2	1	1	Hóa sinh 1
30	31051030	Hoá sinh 3 (Hoá sinh lâm sàng)	Biochemistry 3 (Clinical Biochemistry)	2	1	1	Hoá sinh 2
31	31051031	Hoá sinh 4 (Hoá sinh lâm sàng)	Biochemistry 4 (Clinical Biochemistry)	3	1	2	Hoá sinh 3
32	31051032	Huyết học 1 (Huyết học tế bào)	Hematology 1 (Cytology)	2	1	1	Sinh lý, Xét nghiệm cơ bản
33	31051033	Huyết học 2 (Huyết học tế bào)	Hematology 2 (Cytology)	2	1	1	Huyết học 1
34	31051034	Huyết học 3 (Huyết học đông máu)	Hematology 3 (Coagulation)	2	1	1	Huyết học 2
35	31051035	Huyết học 4 (Huyết học truyền máu)	Hematology 4 (Blood Transfusion)	2	1	1	Huyết học 3
36	31006036	Vi sinh 1 (Vi sinh cơ bản)	Microbiology 1 (Basic Microbiology)	3	2	1	Sinh lý, Xét nghiệm cơ bản

37	31006037	Vi sinh 2 (Vi sinh lâm sàng)	Microbiology 2 (Clinical Microbiology)	2	1	1	Vi sinh 1
38	31006038	Vi sinh 3 (Vi sinh lâm sàng)	Microbiology 3 (Clinical Microbiology)	2	1	1	Vi sinh 2
39	31008039	Ký sinh trùng 1 (Giun sán)	Parasitology 1 (Helminth)	3	1	2	Sinh lý, Mô học, Xét nghiệm cơ bản
40	31008040	Ký sinh trùng 2 (Đơn bào, Vi nấm)	Parasitology 2 (Protozoa, Fungi)	2	1	1	Ký sinh trùng 1
41	31008041	Ký sinh trùng 3 (Ký sinh trùng Sốt rét, Động vật chân khớp)	Parasitology 3 (Malaria, Arthropods)	2	1	1	Ký sinh trùng 2
42	31011042	Xét nghiệm tế bào 1 (Giải phẫu bệnh)	Cytopathology 1 (Histopathology)	3	2	1	Giải phẫu Mô học
43	31011043	Xét nghiệm tế bào 2 (Tế bào bệnh học)	Cytopathology 2 (Cytopathology)	4	2	2	Xét nghiệm tế bào 1
44	31051044	Y sinh học phân tử	Molecular Biomedicine	3	2	1	Sinh học - Di truyền
45	31051045	An toàn sinh học phòng xét nghiệm và Kiểm soát nhiễm khuẩn	Biosafety in Medical Laboratory and Infection Control	3	2	1	Xét nghiệm cơ bản, Vi sinh 2
46	31051046	Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm	Medical Laboratory Quality Assurance	3	2	1	An toàn sinh học phòng xét nghiệm và

							Kiểm soát nhiễm khuẩn, Vi sinh 3, Ký sinh 3, Hoá sinh 3, Xét nghiệm tế bào 2
47	31051047	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 1: Vi - Ký sinh	Laboratory Practice 1: Microbiology – Parasitology	3	2	1	Vi sinh 3, Ký sinh 3, Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm
48	31051048	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 2: Hoá sinh	Laboratory Practice 2: Biochemistry	3	0	3	Hoá sinh 3, Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm
49	31051049	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 3: Huyết học	Laboratory Practice 3: Hematology	3	0	3	Huyết học 4, Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm
50	31051050	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh - Sinh học phân tử	Laboratory Practice 4: Anatomopatholo gy - Molecular Biology	3	0	3	Xét nghiệm tế bào 2, Y sinh học phân tử, Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm
Tổng cộng				63	29	34	
3. Học phần ngành tự chọn (Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau đây)							
51	30051051	Xét nghiệm vi sinh trong	Microbiological Testing in Food	2	1	1	Vi sinh 3

		an toàn vệ sinh thực phẩm	Hygiene and Safety				
52	30051052	Xét nghiệm độc chất học	Toxicological Analysis	2	1	1	Dược lý, Xét nghiệm cơ bản
53	30051053	Thiết bị xét nghiệm và Phần mềm quản lý xét nghiệm	Laboratory Equipment and Laboratory Management Software	2	1	1	Xét nghiệm cơ bản
Tổng cộng				4	2	2	
4. Khoá luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế Khóa luận Tốt nghiệp							
54	40051054	Khóa luận tốt nghiệp	Minor Thesis	8	0	8	
55	40051055	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	Substitute subjects	8	8	0	
5. Thực tế tốt nghiệp							
56	41051056	Thực tế tốt nghiệp	Graduation Practicum	4	0	4	Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 1,2,3,4

8.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 5. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
1	Triết học Mác - Lênin	5	2	2	1	2	2	2	1	1
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	2	2	1	2	2	2	1	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	5	2	2	1	2	2	2	1	1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	2	1	2	2	2	1	1
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	3	2	3	3	3	1	1
6	Tin học đại cương	1	2	5	1	1	1	3	1	2

TT	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
7	Giáo dục thể chất	Học phần bắt buộc để đáp ứng điều kiện tốt nghiệp								
8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh									
9	Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe	2	1	1	2	3	4	1	3	3
10	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	1	5	1	1	3	1	3	1	2
11	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	1	5	1	1	3	1	3	1	2
12	Hoá học	1	2	1	3	2	1	1	1	1
13	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	2	2	3	2	3	2	1	1
14	Tâm lý y học - Y đức	2	1	2	3	4	5	2	2	2
15	Thống kê y học	1	2	5	3	1	1	4	1	2
16	Sinh học - Di truyền	1	3	3	3	2	2	3	1	1
17	Vật lý - Lý sinh	1	2	2	3	2	1	1	1	1
18	Dịch tễ học	2	2	3	3	2	3	3	2	1
19	Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng	1	3	3	3	2	3	4	1	1
20	Giải phẫu	1	3	2	3	2	2	2	2	1
21	Sinh lý	1	2	2	3	2	3	2	2	1
22	Dược lý	1	2	1	3	2	3	3	2	1
23	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2	3	3	3	4	4	3	2	3
24	Mô học	1	3	3	3	2	3	3	2	1
25	Bệnh học Nội khoa - Bệnh học Ngoại khoa	1	3	3	3	3	3	3	2	3
26	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	1	2	3	3	3	3	3	2	1
27	Xét nghiệm cơ bản	1	3	3	3	3	3	3	3	3
28	Hóa sinh 1 (Chuyển hoá các chất)	1	3	2	3	3	3	3	3	3
29	Hoá sinh 2 (Rối loạn chuyển hoá)	1	3	2	4	3	3	3	3	3
30	Hoá sinh 3 (Hoá sinh lâm sàng)	2	3	3	4	3	4	4	4	4

TT	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
31	Hoá sinh 4 (Hoá sinh lâm sàng)	2	3	4	4	4	4	4	4	4
32	Huyết học 1 (Huyết học tế bào)	1	3	2	4	3	3	3	4	3
33	Huyết học 2 (Huyết học tế bào)	1	3	2	4	3	3	3	4	3
34	Huyết học 3 (Huyết học đông máu)	2	3	4	4	3	4	4	4	4
35	Huyết học 4 (Huyết học truyền máu)	2	3	4	4	4	4	4	4	4
36	Vi sinh 1 (Vi sinh cơ bản)	1	2	2	3	3	3	3	4	3
37	Vi sinh 2 (Vi sinh lâm sàng)	1	2	2	4	3	3	3	4	3
38	Vi sinh 3 (Vi sinh lâm sàng)	1	2	2	4	3	3	4	4	4
39	Ký sinh trùng 1 (Giun sán)	2	2	2	4	3	4	3	4	3
40	Ký sinh trùng 2 (Đơn bào, Vi nấm)	2	3	3	4	3	4	3	4	3
41	Ký sinh trùng 3 (Ký sinh trùng Sốt rét, Động vật chân khớp)	2	3	3	4	3	4	3	4	3
42	Xét nghiệm tế bào 1 (Giải phẫu bệnh)	1	3	3	4	3	4	3	4	3
43	Xét nghiệm tế bào 2 (Tế bào bệnh học)	1	3	3	4	3	4	3	4	3
44	Y sinh học phân tử	2	4	4	4	3	4	4	4	4
45	An toàn sinh học phòng xét nghiệm và Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	3	3	4	3	4	4	4	5
46	Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm	2	3	3	4	3	4	4	4	5
47	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 1: Vi - Ký sinh	2	3	4	5	5	5	4	5	4
48	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 2: Hoá sinh	2	3	4	5	5	5	4	5	4
49	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 3: Huyết học	2	3	4	5	5	5	4	5	4
50	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh - Sinh học phân tử	2	3	4	5	5	5	4	5	4
51	Xét nghiệm vi sinh trong an toàn vệ sinh thực phẩm	2	3	3	4	3	4	3	4	3
52	Xét nghiệm độc chất học	2	3	3	4	3	4	3	4	3

TT	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
53	Thiết bị xét nghiệm và Phần mềm quản lý xét nghiệm	2	3	4	4	3	4	3	3	4
54	Khóa luận tốt nghiệp	3	4	4	5	5	5	5	4	4
55	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	2	4	3	4	3	4	4	3	3
56	Thực tế tốt nghiệp	3	4	4	5	5	5	4	5	5

Ghi chú:

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến**Bảng 6. Kế hoạch giảng dạy Khoa từ năm 2023 đến năm 2027**

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
1	11001001	Triết học Mác - Lênin	3	X								
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		X							
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			X						
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				X					
5	11001005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					X				
6	11002006	Tin học đại cương	2	X								
7	11004007	Giáo dục thể chất										
8	11080008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh										

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
9	11072009	Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe	2		X								
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	2	X									
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2		X								
12	11013012	Hóa học	2	X									
13	21007013	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2			X							
14	21070014	Tâm lý y học - Y đức	2	X									
15	21002015	Thống kê y học	2		X								
16	21012016	Sinh học - Di truyền	2	X									
17	21010017	Vật lý - Lý sinh	2		X								
18	21065018	Dịch tễ học	2			X							
19	21048019	Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng	3							X			
20	21005020	Giải phẫu	3	X									
21	21007021	Sinh lý	2		X								
22	21063022	Dược lý	3				X						
23	21045023	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2				X						
24	21012024	Mô học	2		X								
25	21044025	Bệnh học Nội khoa - Bệnh học Ngoại khoa	3			X							
26	21042026	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2		X								
27	31051027	Xét nghiệm cơ bản	4		X								
28	31051028	Hóa sinh 1 (Chuyển hoá các chất)	2			X							
29	31051029	Hoá sinh 2 (Rối loạn chuyển hoá)	2				X						

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
30	31051030	Hoá sinh 3 (Hoá sinh lâm sàng)	2					X				
31	31051031	Hoá sinh 4 (Hoá sinh lâm sàng)	3						X			
32	31051032	Huyết học 1 (Huyết học tế bào)	2			X						
33	31051033	Huyết học 2 (Huyết học tế bào)	2				X					
34	31051034	Huyết học 3 (Huyết học đông máu)	2					X				
35	31051035	Huyết học 4 (Huyết học truyền máu)	2						X			
36	31006036	Vi sinh 1 (Vi sinh cơ bản)	3			X						
37	31006037	Vi sinh 2 (Vi sinh lâm sàng)	2				X					
38	31006038	Vi sinh 3 (Vi sinh lâm sàng)	2					X				
39	31008039	Ký sinh trùng 1 (Giun sán)	3			X						
40	31008040	Ký sinh trùng 2 (Đơn bào, Vi nấm)	2				X					
41	31008041	Ký sinh trùng 3 (Ký sinh trùng Sốt rét, Động vật chân khớp)	2					X				
42	31011042	Xét nghiệm tế bào 1 (Giải phẫu bệnh)	3				X					
43	31011043	Xét nghiệm tế bào 2 (Tế bào bệnh học)	4					X				
44	31051044	Y sinh học phân tử	3						X			
45	31051045	An toàn sinh học phòng xét nghiệm và Kiểm soát nhiễm khuẩn	3					X				

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
46	31051046	Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm	3						X		
47	31051047	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 1: Vi - Ký sinh	3							X	
48	31051048	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 2: Hoá sinh	3							X	
49	31051049	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 3: Huyết học	3							X	
50	31051050	Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh - Sinh học phân tử	3							X	
51	30051051	Xét nghiệm vi sinh trong an toàn vệ sinh thực phẩm	2						X		
52	30051052	Xét nghiệm độc chất học	2						X		
53	30051053	Thiết bị xét nghiệm và Phần mềm quản lý xét nghiệm	2						X		
54	40051054	Khóa luận tốt nghiệp	8								X
55	40051055	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	8								X
56	41051056	Thực tế tốt nghiệp	4								X

8.5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

1. Triết học Mác - Lênin – 3(3.0)

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Là học phần đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng. Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác-Lênin.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin – 2(2.0)

Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin.

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác Lênin.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học – 2(2.0)

Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, gắn với những vấn đề chính trị - xã hội tại Việt Nam và quốc tế hiện nay. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); chương 2 đến chương 7, trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh – 2(2.0)

Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về cơ sở hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm của HCM về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – 2(2.0)

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần thuộc chương trình đại cương của sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng. Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Tin học đại cương – 2(1.1)

Học phần cung cấp kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo thông tư: 03/2014/TT-BTTTT, bao gồm các chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, và 3 chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao: xử lý văn bản nâng cao, sử dụng bảng tính nâng cao, sử dụng trình chiếu nâng cao. Học phần này được giảng dạy vào học kì I của năm thứ nhất.

7. Giáo dục thể chất – 3(0.3)

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/4/2020 Vv Ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

8. Giáo dục quốc phòng - An ninh – 8(0.8)

Nội dung theo Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

9. Pháp luật đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe – 2(2.0)

Pháp luật Đại cương và Pháp luật liên quan ngành sức khỏe là học phần bắt buộc, thuộc về nhóm Kiến thức cơ sở ngành. Pháp luật Đại cương được xây dựng nhằm: mở rộng những tri thức phổ thông, lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; cung cấp một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; bồi dưỡng niềm tin cho người học để có thói quen lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu

câu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, tạo dựng tình cảm, củng cố lòng tin của người học về những giá trị chuẩn mực của pháp luật. Các luật liên quan gồm: Bộ luật lao động; Luật phòng chống tham nhũng lãng phí; Luật khiếu nại; Luật tố cáo, Luật sở hữu trí tuệ. Pháp luật chăm sóc sức khỏe cung cấp các kiến thức về các luật liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe người dân như các Luật: Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Luật Bảo hiểm y tế nhằm giúp người học vận dụng vào lĩnh vực hành nghề y tế sau khi tốt nghiệp.

10. Ngoại ngữ chuyên ngành 1 – 2(2.0)

Ngoại ngữ chuyên ngành 1 được xây dựng dựa trên nền tảng tiếng Anh cơ bản sinh viên đã học ở bậc phổ thông. Sinh viên học các tình huống/ kiến thức cần thiết cho ngành học của mình. Sinh viên sẽ tập trung học kỹ năng Đọc và xây dựng tự vựng liên quan đến chuyên ngành Y khoa.

11. Ngoại ngữ chuyên ngành 2 – 2(2.0)

Học phần học trước: Ngoại ngữ chuyên ngành 1.

Ngoại ngữ chuyên ngành 2 được xây dựng dựa trên nền tảng tiếng Anh chuyên ngành mà sinh viên đã lĩnh hội được ở học phần Ngoại ngữ chuyên ngành 1. Sinh viên sẽ tiếp tục được trang bị vốn từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp và phát triển kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành.

12. Hóa học – 2(2.0)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về Hóa đại cương vô cơ và Hoá đại cương về hữu cơ. Các liên kết hóa học, nhiệt động hóa học, dung dịch, oxi hóa khử, hydrocacbon, alcohol, phenol,... Là cơ sở lý luận để hệ thống và vận dụng liên hệ với kiến thức Y sinh học cơ sở ở các năm học tiếp theo.

13. Sinh lý bệnh - Miễn dịch – 2(2.0)

Học phần học trước: Sinh lý.

Học phần này được xây dựng dựa trên các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung. Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh vào việc học tập và mô hình bệnh tật.

Miễn dịch học nghiên cứu về cách thức mà cơ thể chống lại các tác nhân gây miễn cảm, gây bệnh đến từ môi trường bên ngoài hoặc bên trong cơ thể. Các rối loạn cấu trúc và chức năng của hệ thống đề kháng này có thể đưa đến các bệnh lý nhiễm trùng, quá miễn, tự miễn, ung bướu. Ngoài vai trò cung cấp cơ sở khoa học cho những lập luận biện chứng về bệnh nguyên và bệnh sinh của những nhóm bệnh lý nêu trên, miễn dịch học hiện đại còn cung cấp nền tảng cho việc hình thành, phát triển các phương pháp phòng ngừa và điều trị bệnh (vaccin, ghép tạng...); các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán y khoa được sử dụng rộng rãi trong y học ngày nay (ELISA, miễn dịch huỳnh quang...).

14. Tâm lý y học - Y đức – 2(2.0)

Tâm lý y học - y đức là học phần cơ bản trong chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên kiến thức và kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế và nghề nghiệp, bao gồm: Ý nghĩa sự phát triển của lĩnh vực tâm lý học trong thực tiễn cuộc sống và vai trò, nhiệm vụ của tâm lý y học trong lĩnh vực nghề nghiệp; Các thành phần cơ bản và các nguyên tắc vận hành của hoạt động tâm lý, bao gồm: Cơ sở giải phẫu và sinh lý của hoạt động tâm lý, hoạt động nhận thức, hoạt động cảm xúc, hoạt động hành vi, nhân cách, sự phát triển tâm lý liên quan đến độ tuổi; Phân tích được tâm lý của người bệnh và bản thân người thầy thuốc để đạt được hiệu quả trong việc xây dựng mối quan hệ điều trị tốt giữa thầy thuốc và bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân.

15. Thống kê y học – 2(1.1)

Học phần học trước: Tin học đại cương.

Học phần này giảng dạy vào học kì II của năm thứ 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe và kỹ năng sử dụng phần mềm SPSS để xử lí một số thống kê thường dùng. Từ đó, sinh viên có thể đánh giá các Y văn ở khía cạnh thống kê và lựa chọn được phương pháp thống kê phù hợp nhằm giải quyết 1 vấn đề sức khỏe.

16. Sinh học - Di truyền – 2(2.0)

Học phần này là sự kết hợp của 2 học phần sinh học tế bào và di truyền y học. Trong học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của tế bào người và động vật, từ đó hiểu và biết được vai trò và chức năng của tế bào trong cơ thể sống. Ngoài ra, sinh viên có thêm kiến thức về lĩnh vực di truyền y học, tìm hiểu các khái niệm cơ bản cũng như phân loại được các bệnh di truyền phổ biến trong y học. Học phần này được xem như là học phần cơ bản, cung cấp những kiến thức hữu ích để giúp sinh viên có thể học tập hiệu quả trong khối ngành chăm sóc sức khỏe.

17. Vật lý - Lý sinh – 2(2.0)

Học phần Vật lý - Lý sinh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương, được dạy đối với sinh viên năm thứ nhất. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về vật lý như: cơ, điện, quang và hạt nhân. Học phần được xây dựng dựa trên những kiến thức cơ bản về ứng dụng các thành tựu vật lý trong các khoa học sự sống, nhất là trong thực hành y học. Thông qua đó sinh viên có thể giải thích, tính toán được các nguyên lý, quy luật và hiện tượng vật lý được ứng dụng trong nghiên cứu và thực hành sinh học và y học. Tạo mối liên kết và sự liên thông với các học phần khác trong khối cơ bản, cơ sở, cận lâm sàng và lâm sàng.

18. Dịch tễ học – 2(2.0)

Học phần học trước: Thống kê Y học.

Dịch tễ học cơ bản cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về nghiên cứu dịch tễ học và các số đo dịch tễ. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu, tìm hiểu các thiết kế nghiên cứu

dịch tễ và ứng dụng trong giải quyết các vấn đề sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp chăm sóc bệnh nhân.

19. Nghiên cứu khoa học - Thực hành dựa vào bằng chứng – 3(2.1)

Học phần học trước: Thống kê Y học.

Học phần “Nghiên cứu Khoa học - Thực hành dựa vào Bằng chứng” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng Chứng Ứng Dụng Trong Lĩnh Vực Chăm Sóc Sức Khỏe.

20. Giải phẫu – 3(2.1)

Học phần giải phẫu cung cấp cho sinh viên ngành Xét nghiệm kiến thức về tổng quan, vị trí, tương quan, cấu tạo đại thể và phương thức hoạt động về mặt cấu trúc của những thành phần trong một hệ cơ quan, là nền tảng của các học phần tiếp theo và ứng dụng thực tế khi thực hành lâm sàng.

21. Sinh lý – 2(2.0)

Học phần học trước: Giải phẫu; Sinh học - Di truyền.

Học phần này được xây dựng dựa trên kiến thức cơ bản về vai trò chức năng và cơ chế hoạt động của tế bào, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể con người, sự điều hòa hoạt động một cách thống nhất giữa các thành phần này với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Những kiến thức về sinh lý học là cơ sở để giải thích các rối loạn về mặt chức năng trong cơ thể, ứng dụng vào quá trình học các môn y học cơ sở khác và các môn y học lâm sàng.

22. Dược lý – 3(3.0)

Học phần học trước: Sinh lý bệnh - Miễn dịch.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hoạt động của thuốc trong cơ thể người bao gồm các nguyên lý dược động học như: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, bài tiết, tác dụng mong muốn và không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc thường dùng. Nhận biết hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản; Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.

23. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp – 2(1.1)

Học phần học trước: Tâm lý y học - Y đức.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được tổ chức vào học kỳ IV của khóa học, trang bị cho sinh viên trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học kiến thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, trong học tập, và trong thực hành nghề nghiệp. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp như chức năng của giao tiếp, quá trình giao tiếp, phân loại giao tiếp, nguyên tắc giao tiếp; các hình thức giao tiếp, phương tiện giao tiếp, phong cách giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp với nhân viên y tế, với người bệnh và khách hàng, và giao tiếp đa văn hóa. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về trí tuệ cảm xúc, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, và làm việc nhóm thông qua các bài học, thảo luận nhóm, và giải quyết các tình huống, hình thành

thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp, nâng cao hệ thống kỹ năng sống, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

24. Mô học – 2(1.1)

Học phần học trước: Sinh học - Di truyền; Giải phẫu.

Mô học là một khoa học về các loại mô, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể. Nói cụ thể hơn, mô học là khoa học nghiên cứu sự phát triển, cấu tạo, hoạt động và chức năng bình thường của các mô trong cơ thể người sống ở mức độ vi thể và siêu vi thể. Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về sự cấu tạo và chức năng ở các mô bình thường. Qua đó, sinh viên có thể phân biệt được sự phát triển bình thường và bất thường ở một số mô phổ biến trong cơ thể.

25. Bệnh học Nội khoa - Bệnh học Ngoại khoa – 3(3.0)

Học phần học trước: Mô học; Sinh lý.

Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học các kiến thức cơ bản về các bệnh ngoại khoa, bệnh nội khoa thường gặp. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ phát triển được những kỹ năng cần thiết để nhận định nhu cầu của bệnh nhân, đưa ra chẩn đoán và can thiệp phù hợp, kịp thời để đảm bảo an toàn cho bệnh nhân. Ngoài ra, sinh viên có kế hoạch nâng cao sức khỏe cho bệnh nhân.

26. Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu – 2(2.0)

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng chăm sóc cần thiết cho vai trò Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học. Cũng bao gồm các khái niệm và hành vi trong hoạt động chăm sóc toàn diện của môi trường y tế. Nhấn mạnh các khái niệm lý thuyết và thực hành về các kỹ năng điều dưỡng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bệnh nhân, gia đình và cộng đồng.

27. Xét nghiệm cơ bản – 4(2.2)

Học phần học trước: Sinh học - Di truyền.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ II của khóa học, nhằm định hướng cho sinh viên về ngành học Xét nghiệm trước khi bước vào các môn chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực Xét nghiệm.

28. Hóa sinh 1 (Chuyển hoá các chất) – 2(1.1)

Học phần học trước: Hóa học; Sinh lý; Xét nghiệm cơ bản.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ III của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất hóa học, chuyển hóa, liên quan chuyển hóa các chất (glucid, lipid, protid, hemoglobin, acid nucleic) và hoạt động của enzym, hormon trong cơ thể. Đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh cơ bản tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

Handwritten mark

29. Hóa sinh 2 (Rối loạn chuyển hoá) – 2(1.1)

Học phần học trước: Hoá sinh 1.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ IV của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức về rối loạn chuyển hóa các chất (glucid, lipid, protid, hemoglobin, acid nucleic) liên quan đến những bệnh lý của cơ thể. Đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh thao tác trên máy đo quang phổ kế bán tự động tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

30. Hóa sinh 3 (Hoá sinh lâm sàng) – 2(1.1)

Học phần học trước: Hóa sinh 2.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ V của khóa học, cung cấp cho sinh viên kiến thức về hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa cũng như ứng dụng của các xét nghiệm hoá sinh trên lâm sàng trong từng trường hợp bệnh lý cụ thể, giúp sinh viên hiểu được mối liên quan giữa chuyển hóa và rối loạn chuyển hoá các chất được thể hiện qua các thông số xét nghiệm hoá sinh. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm chuyên ngành hóa sinh, nhận định được các yếu tố làm can thiệp đến kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của sự thay đổi này trong những trường hợp khác nhau. Rèn luyện cho sinh viên tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong việc thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

31. Hóa sinh 4 (Hoá sinh lâm sàng) – 3(1.2)

Học phần học trước: Hóa sinh 3.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VI của khóa học, cung cấp cho sinh viên kiến thức về hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa cũng như ứng dụng của các xét nghiệm hoá sinh chuyên biệt trên lâm sàng, giúp sinh viên hiểu được mối liên quan giữa chuyển hóa và rối loạn chuyển hoá các chất được thể hiện qua các thông số xét nghiệm hoá sinh chuyên biệt. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh chuyên biệt, phân tích được ý nghĩa và đánh giá được sự thay đổi các kết quả xét nghiệm trong các trường hợp bệnh lý. Rèn luyện cho sinh viên tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong việc thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

32. Huyết học 1 (Huyết học tế bào) – 2(1.1)

Học phần học trước: Sinh lý; Xét nghiệm cơ bản.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ III của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máu và hình dạng, đặc điểm của các loại tế bào máu; trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các thao tác kỹ thuật xét nghiệm về tế bào và nhận định tế bào máu qua kính hiển vi và máy đếm tế bào tự động, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý của tế bào máu. Đồng thời, học phần tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

33. Huyết Học 2 (Huyết học tế bào) – 2(1.1)

Học phần học trước: Huyết học 1.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ IV của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các chỉ số tế bào máu, bệnh lý tế bào máu, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng nhận diện các tế bào máu bình thường, bất thường và đánh giá các chỉ số tế bào máu, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế bệnh lý của các tế bào máu. Đồng thời, học phần tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

34. Huyết học 3 (Huyết học đông máu) – 2(1.1)

Học phần học trước: Huyết học 2.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ V của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các yếu tố đông máu, cơ chế sinh lý bình thường và bệnh lý của cầm máu - đông máu, từ đó biết sơ lược cách trị liệu và theo dõi trị liệu chống đông máu. Nội dung học phần giúp sinh viên tự tin và hoàn thành tốt các thao tác kỹ thuật xét nghiệm cầm máu - đông máu, biết cách sử dụng máy phân tích đông máu tự động, bán tự động, nhận định được kết quả bình thường và bệnh lý. Đồng thời, học phần tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và nghiêm túc trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

35. Huyết học 4 (Huyết học truyền máu) – 2(1.1)

Học phần học trước: Huyết học 3.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về miễn dịch trong huyết học, những ứng dụng trong truyền máu, cách sử dụng máu và các chế phẩm của máu nhằm giúp sinh viên thực hiện tốt thao tác kỹ thuật xét nghiệm trong truyền máu; nhận biết rõ ý nghĩa kết quả của các giá trị sinh học cũng như công tác quản lý, đảm bảo chất lượng an toàn trong quá trình truyền máu.

36. Vi sinh 1 (Vi sinh cơ bản) – 3(2.1)

Học phần học trước: Sinh lý; Xét nghiệm cơ bản.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ III của khóa học. Học phần cung cấp các kiến thức đại cương về vi khuẩn bao gồm các đặc điểm sinh học, cơ chế nhiễm trùng, đáp ứng miễn dịch và ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán vi sinh. Người học được thực hiện các kỹ thuật cơ bản sử dụng trong các xét nghiệm vi sinh như điều chế thuốc nhuộm và môi trường nuôi cấy vi khuẩn, các phương pháp khảo sát vi khuẩn dưới kính hiển vi, kỹ thuật nuôi cấy, định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ phục vụ cho công tác xác định tác nhân gây bệnh.

37. Vi sinh 2 (Vi sinh lâm sàng) – 2(1.1)

Học phần học trước: Vi sinh 1.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ IV của khóa học. Học phần cung cấp các kiến thức về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh,

ph

xét nghiệm chẩn đoán và nguyên tắc phòng và điều trị những tác nhân vi khuẩn gây bệnh thường gặp giúp người học có những kiến thức cơ bản về vi sinh y học làm nền tảng trong thực hành chăm sóc sức khỏe. Người học sẽ được thực hiện quy trình chẩn đoán vi sinh lâm sàng những tác nhân gây bệnh thường gặp và phương pháp phát hiện vi khuẩn kháng thuốc.

38. Vi sinh 3 (Vi sinh lâm sàng) – 2(1.1)

Học phần học trước: Vi sinh 2.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ V của khóa học. Học phần cung cấp các kiến thức về quy trình vi sinh lâm sàng thao tác trên các mẫu bệnh phẩm thường gặp như đàm, phân, nước tiểu, mủ, máu, dịch não tủy, dịch sinh dục, tai mũi họng, quy trình xét nghiệm vi khuẩn lao và kỵ khí. Người học được hướng dẫn nguyên tắc, quy định lấy và bảo quản bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh, đồng thời thực hiện kỹ thuật nuôi cấy phân lập và định danh vi khuẩn gây bệnh từ các mẫu bệnh phẩm.

39. Ký sinh trùng 1 (Giun sán) – 3(1.2)

Học phần học trước: Sinh lý; Mô học; Xét nghiệm cơ bản.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ III của khóa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về ký sinh trùng giun sán liên quan đến vấn đề sức khỏe thường gặp ở Việt Nam, làm cơ sở lý luận để nhận biết, giải thích, giải quyết vấn đề và truyền đạt cho cá nhân và cộng đồng về tình trạng sức khỏe, bệnh tật do ký sinh trùng gây ra. Đồng thời hoàn thiện khả năng nhận diện hình ảnh dựa trên một số thông tin lâm sàng cơ bản và xét nghiệm bệnh phẩm bằng cách xem kính hiển vi, cấy, một số kỹ thuật miễn dịch...

40. Ký sinh trùng 2 (Đơn bào, Vi nấm) – 2(1.1)

Học phần học trước: Ký sinh trùng 1.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ IV của khóa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về ký sinh trùng Đơn bào và Vi nấm Y học liên quan đến vấn đề sức khỏe thường gặp ở Việt Nam, làm cơ sở lý luận để nhận biết, giải thích, giải quyết vấn đề và truyền đạt cho cá nhân và cộng đồng về tình trạng sức khỏe, bệnh tật do các tác nhân đơn bào và vi nấm gây ra. Đồng thời hoàn thiện khả năng nhận diện hình ảnh dựa trên một số thông tin lâm sàng cơ bản và xét nghiệm bệnh phẩm bằng cách xem kính hiển vi, cấy, một số kỹ thuật miễn dịch...

41. Ký sinh trùng 3 (Ký sinh trùng Sốt rét, Động vật chân khớp) – 2(1.1)

Học phần học trước: Ký sinh trùng 2.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ V của khóa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về ký sinh trùng sốt rét và động vật chân khớp chủ yếu liên quan đến vấn đề sức khỏe thường gặp ở Việt Nam, làm cơ sở lý luận để nhận biết, giải thích, giải quyết vấn đề và truyền đạt cho cá nhân và cộng đồng về tình trạng sức khỏe, bệnh tật do các tác nhân trên gây ra. Ngoài ra, học phần này còn bổ sung

kiến thức về quy trình kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét, định danh được các loại tiết túc y học.

42. Xét nghiệm tế bào 1 (Giải phẫu bệnh) – 3(2.1)

Học phần học trước: Giải phẫu; Mô học.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ IV của khóa học. Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng nhận định các thay đổi hình thái của tế bào và mô trong tình trạng bệnh lý trên đại thể và vi thể của một số bệnh lý thường gặp của các cơ quan. Có vai trò làm nền tảng cho việc thực hiện chính xác các kỹ thuật chẩn đoán giải phẫu bệnh và tế bào học. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện tính kiên nhẫn, trung thực, trách nhiệm trong học tập.

43. Xét nghiệm tế bào 2 (Tế bào bệnh học) – 4(2.2)

Học phần học trước: Xét nghiệm tế bào 1.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ V của khóa học. Học phần cung cấp cho sinh viên các chẩn đoán tế bào học và ứng dụng trong tầm soát, chẩn đoán, theo dõi các bệnh lý một số cơ quan. Tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện tính kiên nhẫn, trung thực, trách nhiệm.

44. Y sinh học phân tử – 3(2.1)

Học phần học trước: Sinh học - Di truyền.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VI của khóa học, nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sinh học phân tử; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng thực hiện quy trình xét nghiệm sinh học phân tử cơ bản để chẩn đoán, tiên lượng và theo dõi điều trị một số bệnh lý trong y khoa. Tạo điều kiện để sinh viên trau dồi khả năng tìm kiếm và đọc tài liệu về lĩnh vực sinh học phân tử bằng tiếng Anh, xây dựng kỹ năng làm việc nhóm và rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử.

45. An toàn sinh học phòng xét nghiệm và Kiểm soát nhiễm khuẩn – 3(2.1)

Học phần học trước: Xét nghiệm cơ bản; Vi sinh 2.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ V của khóa học; Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong đảm bảo an toàn sinh học khi làm việc, nghiên cứu hoặc tham gia các hoạt động liên quan tại các phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II, đồng thời cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy định, hướng dẫn, quy trình chuyên môn kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở y tế. Thông qua đó giúp sinh viên ngành Xét nghiệm hình thành kỹ năng và thái độ đúng khi xử lý các nguy cơ lây nhiễm vi sinh vật gây bệnh đối với người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.

46. Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm – 3(2.1)

Học phần học trước: An toàn sinh học phòng xét nghiệm và Kiểm soát nhiễm khuẩn; Vi sinh 3, Ký sinh 3; Huyết học tế bào 2, Xét nghiệm tế bào 2.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VI của khóa học, nhằm củng cố cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ về vấn đề đảm bảo và kiểm tra chất lượng phòng xét nghiệm y học.

47. Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 1: Vi - Ký sinh – 3(0.3)

Học phần học trước: Vi sinh 3; Ký sinh 3; Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VII của khóa học. Nội dung trang bị những kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực Vi sinh - Ký sinh trùng; trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các trang thiết bị xét nghiệm Vi sinh - Ký sinh trùng tại các cơ sở y tế; hình thành khả năng nhận định và đánh giá được các kết quả xét nghiệm Vi sinh - Ký sinh trùng. Ngoài ra, học phần này giúp rèn luyện cho sinh viên ngành xét nghiệm tính tỉ mỉ, chính xác và trung thực. Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng.

48. Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 2: Hóa sinh – 3(0.3)

Học phần học trước: Hoá sinh 3; Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VII của khóa học. Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng thực hành trong chuyên ngành Hóa sinh; trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các trang thiết bị xét nghiệm Hoá sinh tại các cơ sở y tế; hình thành khả năng nhận định và đánh giá được các kết quả xét nghiệm Hoá sinh. Ngoài ra, học phần này giúp rèn luyện cho sinh viên ngành xét nghiệm tính tỉ mỉ, chính xác và trung thực. Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng.

49. Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 3: Huyết học – 3(0.3)

Học phần học trước: Huyết học 4; Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VII của khóa học. Nội dung gồm kiến thức chuyên ngành để sử dụng các trang thiết bị, pha chế các hóa chất xét nghiệm, thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực Huyết học - Truyền máu. Ngoài ra, học phần này giúp rèn luyện cho sinh viên ngành xét nghiệm tính tỉ mỉ, chính xác và trung thực. Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng.

50. Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh - Sinh học phân tử – 3(0.3)

Học phần học trước: Xét nghiệm tế bào 2; Y sinh học phân tử; Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được tổ chức vào học kỳ VII của khóa học. Nội dung gồm kiến thức trong chuyên ngành Giải phẫu bệnh - Tế bào học và Sinh học phân tử và trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các kỹ thuật chuyên ngành Giải phẫu bệnh - Tế bào học và Sinh học phân tử tại môi trường thực tế bệnh viện, qua đó hình thành khả năng nhận định và đánh giá được các kết quả xét nghiệm chuyên ngành Giải phẫu bệnh - Tế bào học và Sinh học phân tử.

51. Xét nghiệm vi sinh trong an toàn vệ sinh thực phẩm – 2(1.1)

Học phần học trước: Vi sinh 3.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được tổ chức vào học kỳ VI của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vi sinh vật thực phẩm bao gồm vi khuẩn, nấm men, nấm mốc và những hoạt động của chúng liên quan đến việc bảo quản và an toàn thực phẩm; những vai trò có lợi và những hoạt động gây hư hỏng thực phẩm do vi sinh vật; các xét nghiệm kiểm tra vi sinh thực phẩm. Qua đó, sinh viên hiểu được nguồn gốc ngộ độc thực phẩm từ vi sinh vật gây bệnh, cũng như các phương pháp bảo quản thực phẩm tránh hư hỏng và ngộ độc góp phần vào công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

52. Xét nghiệm độc chất học – 2(1.1)

Học phần học trước: Dược lý; Xét nghiệm cơ bản.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được tổ chức vào học kỳ VI của khóa học, cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Khái niệm chất độc, sự hấp thụ, phân bố, chuyển hóa, thải trừ, các tác động của chất độc đối với cơ thể và nguyên tắc xử trí ngộ độc; Một số phương pháp phân tích (lấy mẫu, xử lý mẫu, định tính và định lượng các chất độc) nhằm xác định nguyên nhân và mức độ ngộ độc để có biện pháp xử trí và điều trị thích hợp; Nguồn gốc, tính chất lý hóa, nguyên nhân xảy ra nhiễm độc, ngộ độc, tác động của chất độc với các cơ quan, biểu hiện khi bị ngộ độc, phương pháp phân tích và cách xử trí khi bị ngộ độc, nhiễm độc hoặc nghiên.

53. Thiết bị xét nghiệm và Phần mềm quản lý xét nghiệm – 2(1.1)

Học phần học trước: Xét nghiệm cơ bản.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được tổ chức vào học kỳ VI của khóa học; Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống trang thiết bị thường sử dụng trong các phòng xét nghiệm y học. Đồng thời cung cấp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý phòng xét nghiệm để đảm bảo chất lượng của kết quả xét nghiệm được trả ra chính xác, tin cậy và kịp thời.

54. Khóa luận tốt nghiệp – 8(0.8)

Điều kiện tiên quyết: Những sinh viên đạt học lực giỏi trở lên nhưng không quá $\frac{1}{4}$ trên tổng số sinh viên có điểm tích lũy cao nhất của khóa học; Không còn nợ (điểm F) bất kỳ học phần nào trong khối kiến thức chuyên ngành; Không được phép nợ quá 2 môn đại cương và/hoặc cơ sở nhóm ngành.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, chỉ dành cho những sinh viên đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Hiệu Trường Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, được tổ chức vào học kỳ VIII của khóa học. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách thức nghiên cứu giải quyết một hay nhiều vấn đề, câu hỏi cụ thể trong thực tế có liên quan đến ngành/ chuyên ngành được đào tạo. Đồng thời, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản, sử dụng các từ ngữ chuyên môn, kỹ năng tìm kiếm tài liệu và thông tin trên internet, tra cứu tài liệu bằng tiếng Anh chuyên ngành, kỹ năng

làm việc nhóm. Kèm với đó là làm quen với các công cụ hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu như: EndNote, Microsoft Excel, Epidata...

55. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp – 8(8.0)

55.1. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp 1 (Xét nghiệm Huyết học nâng cao) – 2(2.0)

Học phần học trước: Huyết học 4.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, là một trong 4 học phần thuộc khối kiến thức thay thế học phần khóa luận tốt nghiệp, được tổ chức vào học kỳ VIII của khóa học. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về huyết học tế bào, đông cầm máu và vấn đề an toàn trong truyền máu, các kỹ thuật mới được ứng dụng tại các bệnh viện lớn, các phòng khám và các phòng xét nghiệm hiện đại. Qua đó, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm về tế bào, đông máu, miễn dịch huyết học chuyên sâu, nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng tình trạng bệnh lý và hỗ trợ định hướng chuyên khoa cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

55.2. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2 (Xét nghiệm Vi - Ký sinh nâng cao) – 2(2.0)

Học phần học trước: Vi sinh 3; Ký sinh 3.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, là một trong 4 học phần thuộc khối kiến thức thay thế học phần khóa luận tốt nghiệp, được tổ chức vào học kỳ VIII của khóa học. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về virus, các loại virus thường gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán virus gây bệnh. Bên cạnh đó, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật về xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật ký sinh, bệnh ký sinh trùng cơ hội hiện nay. Học phần này yêu cầu sinh viên phải phát huy tính tự học, chủ động vận dụng kiến thức lâm sàng trong thực hành xét nghiệm Vi sinh - Ký sinh để hiểu sâu hơn về các xét nghiệm chuyên môn, từ đó có gia tăng độ tin cậy tin cậy của xét nghiệm góp phần vào quá trình tầm soát, chẩn đoán, theo dõi, điều trị hiệu quả cho bệnh nhân; giúp hỗ trợ định hướng chuyên khoa cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

55.3. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp 3 (Xét nghiệm Hóa sinh nâng cao) – 2(2.0)

Học phần học trước: Hoá sinh 4.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, là một trong 4 học phần thuộc khối kiến thức thay thế học phần khóa luận tốt nghiệp, được tổ chức vào học kỳ VIII của khóa học. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa cũng như ứng dụng của các xét nghiệm hoá sinh chuyên sâu, cung cấp các kiến thức để người học có thể nhận diện được các nguyên nhân gây sai số kết quả xét nghiệm bao gồm những yếu tố môi trường, trang thiết bị, hoá chất con người, quy trình thao tác. Phân tích những cạm bẫy trong việc lý giải các kết quả xét nghiệm bất thường. Học phần này yêu cầu sinh viên phải phát huy tính tự học, chủ động vận dụng kiến thức lâm sàng để hiểu sâu hơn về ý nghĩa

của từng kỹ thuật xét nghiệm. Từ đó, ứng dụng và thực hành các kỹ thuật xét nghiệm một cách thành thạo, cho kết quả tin cậy góp phần trong quá trình tầm soát, chẩn đoán, theo dõi và điều trị hiệu quả cho bệnh nhân và hỗ trợ định hướng chuyên khoa cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

55.4. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp 4 (Ứng dụng miễn dịch trong xét nghiệm chẩn đoán) – 2(2.0)

Học phần học trước: Sinh lý bệnh - Miễn dịch; Y sinh học phân tử.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, là một trong 4 học phần thay thế học phần khóa luận tốt nghiệp, được tổ chức và học kỳ VIII của khóa học, cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý các xét nghiệm miễn dịch và ứng dụng miễn dịch trong xét nghiệm chẩn đoán một số bệnh lý về huyết học - miễn dịch, dị ứng, bệnh nhiễm trùng, ung thư. Qua đó, giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức chuyên môn về các kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch, hỗ trợ định hướng chuyên khoa cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

56. Thực tế tốt nghiệp – 4 (0.4)

Học phần học trước: Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 1, Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 2, Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 3, Thực tập Kỹ thuật Xét nghiệm 4.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, môn thực tế tốt nghiệp tổ chức học vào học kỳ VIII của khóa học. Trang bị cho học sinh các kiến thức thực tế về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc phân luồng công việc tại các Khoa/Phòng xét nghiệm của bệnh viện thực tập. Tạo điều kiện cho sinh viên tích lũy kinh nghiệm, áp dụng các kiến thức chuyên ngành và y đức đã học vào thực tiễn. Làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp với vai trò như một nhân viên thực tập tại phòng xét nghiệm bệnh viện. Rèn luyện kỹ năng thực hiện các kỹ thuật chuyên ngành xét nghiệm đảm bảo an toàn, chống lây nhiễm cho cá nhân và cộng đồng. Giao tiếp và ứng xử thích hợp với bệnh nhân, thân nhân người bệnh và với các nhân viên y tế tại bệnh viện thực tập.

B. MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA BẠC ĐẠI HỌC

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức TCTN			
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4
PLO1		X										X			
PLO2	X	X									X				
PLO3			X			X									
PLO4	X	X	X	X	X							X		X	
PLO5						X	X	X	X	X	X	X	X		

M

PLO6		X			X			X	X	X		X	X	X	
PLO7						X	X	X	X	X		X		X	X
PLO8	X		X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
PLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động.</p>

C. MÔ TẢ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Phương pháp thuyết giảng (*Lecture*) lồng ghép dạy học tích cực (*Active Learning*)

Là phương pháp chủ lực của lối giảng dạy truyền thống, nhưng thuyết giảng không phải là thứ bỏ đi trong phương pháp giảng dạy tích cực. Nếu chủ yếu thuyết giảng một chiều, nghĩa là đơn thuần truyền đạt kiến thức từ người dạy sang người học, thì đó là phương pháp giảng dạy thụ động. Nhưng nếu thuyết giảng theo lối tương tác, đặt vấn đề cho người học suy nghĩ và lôi cuốn người học cùng giải quyết vấn đề với giảng viên thì đó lại là phương pháp giảng dạy tích cực. Như vậy, nếu biết cách thuyết giảng thì vẫn đảm bảo tính tích cực và vẫn mang lại kết quả tốt cho người học.

2. Dạy học dựa trên dự án (*Project-based Learning*)

Là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện.

3. Giảng dạy dựa trên vấn đề (*Problem-based Learning*)

Phương pháp này nhằm hướng dẫn người học chủ động làm việc trên vấn đề được đặt ra. Giảng viên đóng vai trò là người gợi mở vấn đề, giám sát quá trình làm việc, và hỗ trợ người học đúc kết vấn đề.

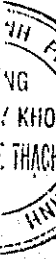
Phương pháp này sẽ hiệu quả hơn nếu tổ chức cho người học làm việc theo nhóm. Một vấn đề đặt ra được xem là tốt nếu: phù hợp với mục tiêu của học phần; gắn với thực tế; thuộc dạng vấn đề “có vấn đề”; phát sinh nhiều giả thiết; cần sự nỗ lực của một nhóm người được xây dựng trên những kiến thức và kinh nghiệm đã có; thúc đẩy sự phát triển khả năng nhận thức bậc cao: phân tích, tổng hợp, đánh giá.

Lợi ích của phương pháp là giúp người học nâng cao kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, tính chủ động trong việc tìm kiếm và xử lý thông tin.

4. Tổ chức học tập theo nhóm (*Group-based Learning*)

Là hoạt động học tập có sự phân chia học sinh theo từng nhóm nhỏ với đủ thành phần khác nhau về trình độ, cùng trao đổi ý tưởng, một nguồn kiến thức dựa trên cơ sở là hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm với việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học của bạn bè trong nhóm.

Là phương pháp dạy học trong đó học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên làm việc cùng nhau trong những nhóm nhỏ để hoàn thành mục đích học tập chung của nhóm đặt ra.



Là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh hình thành các nhóm học tập nhỏ. Mỗi thành viên trong nhóm học tập này vừa có trách nhiệm tự học tập, vừa có trách nhiệm giúp đỡ các thành viên trong nhóm để cùng hoàn thành mục đích học tập chung của cả nhóm.

5. Seminar

Là một dạng hội thảo trình bày về nghiên cứu chuyên đề hoặc đơn giản là một buổi báo cáo kết quả học tập. Người học chính là người phải chủ động hoàn toàn trong quá trình chuẩn bị tài liệu đến trình bày nội dung và đưa ra dẫn chứng.

Các thành viên tham gia buổi seminar sẽ trao đổi và thảo luận với nhau để rút ra kết luận về nội dung hoặc vấn đề khoa học vừa được đề cập. Cuối cùng là đề xuất các phương án hoặc hướng phát triển mới để mở rộng nội dung cũng như khắc phục nhược điểm.

Đây là một trong những phương pháp thú vị phục vụ cho việc trình bày quan điểm cá nhân với mọi người hay giới thiệu đến khách hàng tiềm năng những sản phẩm, dịch vụ hoặc nghiên cứu mới. Người trình bày có cơ hội gặp gỡ, giao lưu và xây dựng các mối quan hệ tích cực với những thành viên tham gia đang lắng nghe phần trình bày trong buổi seminar.

6. Dạy học dựa trên phim tư liệu (*Video-based Learning*)

Sử dụng phim tư liệu nhằm minh họa nội dung bài học, các đoạn phim tư liệu giúp sinh viên hình dung rõ ràng hơn về nội dung được học trong bài. Cung cấp nội dung kiến thức cơ bản của bài học. Biện pháp này được sử dụng chủ yếu trong bài học nghiên cứu kiến thức mới, phù hợp với quy luật nhận thức của con người đó là “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng”. Ôn tập kiến thức đã học. Biện pháp này được thực hiện trong các bài ôn tập, sơ kết, tổng kết của chương trình bài học.

7. Giảng dạy thông qua thảo luận (*Discussion-based Learning*)

Thảo luận nhóm trong học tập là phương pháp mà sinh viên không còn làm việc cá nhân mà là làm việc chung với nhau bằng những nhóm nhỏ, thảo luận chung trong nhóm về những vấn đề do giáo viên đề ra nhằm mục đích tìm hiểu những nội dung và tự giải đáp trước khi vấn đề đó được giải quyết với sự giám sát, điều chỉnh chung của lớp học và của người dạy.

Là một trong những phương pháp dạy học tích cực, đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm và bắt kịp xu thế dạy học của thời đại.

8. Giảng dạy thông qua thực hành (*Practical work -Based Learning*)

Phương pháp dạy học thực hành là phương pháp giảng dạy trên cơ sở sự quan sát giảng viên làm mẫu và thực hiện tự lực của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm hoàn thành các bài tập, các công việc thuộc chuyên ngành, từ đó hình thành các kỹ năng, kỹ xảo

mà người lao động sẽ phải thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp sau này. Thêm vào đó, phương pháp dạy học thực hành còn giúp sinh viên củng cố tri thức chuyên ngành, xây dựng phẩm chất, tác phong công nghiệp và phát triển năng lực tư duy để có đủ khả năng xử lí các tình huống nghề nghiệp trong thực tế cuộc sống.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



